

CƠ SỞ THỰC HIỆN QUYỀN BẢO CHỮA TRONG TỔ TỤNG HÌNH SỰ VIỆT NAM

ĐẶNG TRẦN THANH NGỌC*

Tóm tắt: Quyền bảo chữa trong tố tụng hình sự là quyền con người gắn liền với người bị buộc tội, thực hiện quyền bảo chữa là thực hiện mục tiêu của tố tụng hình sự, đó là công lý, công bằng và dân chủ và đáp ứng nhu cầu đưa pháp luật vào cuộc sống của các Nhà nước. Bài viết làm rõ các cơ sở thực hiện quyền bảo chữa trong tố tụng hình sự Việt Nam thông qua cơ sở lý luận, cơ sở thực tiễn và cơ sở chính trị - pháp lý.

Từ khóa: Quyền bảo chữa; tố tụng hình sự; cơ sở pháp lý; quyền con người; người bị buộc tội; vụ án hình sự.

Abstract: The right to counsel is a human right of the defendant. Practicing the right to counsel is achieving the goal of criminal procedure: justice, fairness and democracy. This article analyzed the foundation of the right to counsel in criminal procedure in Vietnam from theoretical, practical and legal-political perspectives.

Keywords: Right to counsel; criminal procedure; legal foundation; human right; defendant; criminal case.

Ngày nhận bài: 06/8/2018; Ngày sửa bài: 10/9/2018; Ngày duyệt đăng bài: 29/12/2018

Đặt vấn đề

Quyền bảo chữa (QBC) trong tố tụng hình sự (TTHS) là một phạm trù của quyền con người (QCN) gắn liền với người bị buộc tội trong TTHS được hầu hết các quốc gia trên thế giới công nhận. Trong quá trình giải quyết vụ án hình sự, phát hiện và xử lý tội phạm, hàng loạt hoạt động có thể được tiến hành bởi cơ quan hoặc cá nhân có thẩm quyền như bắt người, tạm giữ, tạm giam, khám xét, thu giữ đồ vật, tài liệu, thư tín... Hệ quả trực tiếp của nó là hạn chế đến một số quyền cơ bản của công dân nhất là đối với người bị buộc tội bởi vì để có những hành vi lạm quyền hoặc tùy tiện từ phía cơ quan, cá nhân thực thi pháp luật và QBC chính là phương tiện pháp lý quan trọng giúp

người bị buộc tội bảo vệ bản thân trước chủ thể buộc tội. Ở Việt Nam, việc nghiên cứu về QBC và thực hiện QBC trong TTHS được Đảng và Nhà nước quan tâm sâu sắc, thể hiện tại các Nghị quyết của Đảng Cộng sản Việt Nam về cải cách tư pháp, xây dựng pháp luật, Hiến pháp và các văn bản pháp luật có liên quan khác. Tuy nhiên, thời gian qua những quy định về thực hiện QBC cũng như thực tiễn thực hiện QBC của người bị buộc tội trong TTHS còn nhiều hạn chế, bất cập làm ảnh hưởng đến hiệu quả bảo chữa thậm chí nhiều trường hợp dẫn đến tình trạng oan sai. Để khắc phục tình trạng đó, thời

* TS. Giảng viên Khoa Quản lý thể dục thể thao - Trường Đại học Thể dục thể thao Đà Nẵng; Email: dangngoc03061969@gmail.com.

gian qua Quốc Hội đã ban hành một số văn bản pháp luật quan trọng trong đó có những quy định mới tạo thuận lợi cho hoạt động thực hiện QBC như Bộ luật Tố tụng hình sự (BLTTHS) năm 2015, Bộ luật Hình sự (BLHS) năm 2015, Luật Thi hành tạm giữ, tạm giam năm 2015, Luật Trợ giúp pháp lý năm 2017... Tuy nhiên, để có góc nhìn toàn diện, sâu sắc về thực hiện QBC trong TTHS Việt Nam thì việc nghiên cứu đầy đủ về cơ sở thực hiện QBC trong TTHS Việt Nam trên phương diện lý luận, thực tiễn và chính trị - pháp lý là một nội dung quan trọng không thể thiếu, có ý nghĩa quan trọng trong việc nâng cao hiệu quả bào chữa.

“Cơ sở” là “cái làm nền tảng, trong quan hệ với những cái xây dựng trên đó hoặc dựa trên đó mà tồn tại và phát triển”¹. Hoạt động thực hiện QBC trong TTHS Việt Nam xuất phát từ yêu cầu phải bảo đảm QCN nói chung, QCN của người bị buộc tội trong TTHS và các giá trị xã hội cốt lõi gồm công bằng, công lý, bình đẳng và dân chủ gắn liền với mục tiêu công bằng của TTHS, xuất phát từ việc đáp ứng yêu cầu dân chủ, bình đẳng trong thực tiễn xét xử, đồng thời dựa vào các quy định pháp luật về thực hiện QBC trong TTHS Việt Nam được xây dựng từ việc luật hóa đường lối, chính sách của Đảng Cộng sản Việt Nam và các văn bản pháp lý quốc tế, khu vực về thực hiện QCN, QBC của người bị buộc tội trong TTHS. Đó chính là *cơ sở lý luận, cơ sở thực tiễn và cơ sở chính trị - pháp lý* của hoạt động bào chữa.

1. Cơ sở lý luận

Cơ sở lý luận là những phân tích, lập luận lý giải về sự cần thiết phải thực hiện QBC trong TTHS, bao gồm:

Thứ nhất, thực hiện QBC trong TTHS là biểu hiện của việc thực hiện QCN. Lịch sử loài người gắn liền với những cuộc đấu tranh chống áp bức, cưỡng quyền nhằm giải phóng con người. Trong quá trình đấu tranh, tư tưởng về QCN đã hình thành và trở thành giá trị chung của nhân loại, QBC là một phạm trù của QCN gắn liền với người bị buộc tội trong TTHS, là một trong những quyền cơ bản giúp người bị buộc tội tự bảo vệ trước sự buộc tội nên các Nhà nước có trách nhiệm bảo đảm, bảo vệ. Việc các Nhà nước tạo điều kiện cho người bị buộc tội thực hiện QBC trong TTHS đã trở thành nghĩa vụ đối với các quốc gia là thành viên của Liên hợp quốc. Hiệu quả hoạt động bào chữa của người bị buộc tội, người bào chữa phụ thuộc rất lớn vào mức độ tạo điều kiện của các Nhà nước. Liên hợp quốc xem xét tình hình thực hiện QCN, QBC của người bị buộc tội trong TTHS của mỗi quốc gia là một trong những tiêu chí để đánh giá tình hình nhân quyền của quốc gia đó.

Thứ hai, thực hiện QBC trong TTHS là yêu cầu tất yếu để đạt được những giá trị chung của nhân loại, đó là công bằng, công lý, bình đẳng, dân chủ và cũng là mục tiêu của TTHS. Mô hình tố tụng của bất kỳ quốc gia văn minh nào đều tồn tại ba chức năng cơ bản không thể tách rời nhau đó là chức năng buộc tội, bào chữa và xét xử. Việc thực hiện QBC trong TTHS được xem là thực hiện chức năng bào chữa đối trọng với chức năng buộc tội, duy trì tính cân bằng trong TTHS hướng đến một phiên toà tranh tụng xuất phát từ yêu cầu bảo

¹ Viện ngôn ngữ (2002), *Từ điển tiếng Việt*, Nxb. Đà Nẵng, Trung tâm Từ điển học, tr.25.

đảm mục tiêu cao nhất của TTTH là công bằng và dân chủ, góp phần sáng tỏ sự thật vụ án, bảo vệ công lý. Ngoài ra, yêu cầu công minh của nền tư pháp đòi hỏi các góc nhìn đối lập phải được tạo cơ hội để tự do biểu đạt và tranh luận và “chân lý của vụ án chỉ có thể được xác định khi quá trình chứng minh tội phạm ở các giai đoạn TTTH dựa trên cơ sở cọ xát ý kiến khác nhau về vụ án bao gồm những ý kiến có tính chất buộc tội và những ý kiến có tính chất bào chữa”².

Thứ ba, ghi nhận và thực hiện QBC trong TTTH là thành quả của quá trình đấu tranh của con người trước sự độc đoán chuyên quyền của chế độ phong kiến và giáo hội. Nghiên cứu lịch sử pháp luật về sự ra đời của nghề luật sư cho thấy, QBC trong TTTH xuất hiện từ rất sớm, là kết quả của cuộc đấu tranh bảo vệ QCN của người bị buộc tội trong TTTH nói chung và QBC nói riêng trước sự độc đoán chuyên quyền của nhà vua và sự hà khắc của giáo hội. Trong bối cảnh những phiên tòa đầy màu sắc tôn giáo với cách tìm kiếm công lý đậm nét duy tâm, phản dân chủ hầu như không có cơ hội để người bị buộc tội thực hiện QBC. Quá trình đấu tranh để được ghi nhận những bảo đảm pháp lý để tạo điều kiện cho người bị buộc tội thực hiện QBC trong TTTH là thành quả mà con người đã đạt được. Việc thực hiện QBC của người bị buộc tội đầu tiên phát triển mạnh tại các nước theo hệ thống thông luật (Anh - Mỹ) gắn liền với yêu cầu của phiên tòa tranh tụng và dần dần những tư tưởng tiến bộ này được nhiều quốc gia thuộc các mô hình tố tụng khác nhau công nhận và lan tỏa hầu hết các châu lục trên thế giới.

Thứ tư, thực hiện QBC trong TTTH là một hình thức thực hiện pháp luật, đáp ứng nhu cầu đưa pháp luật vào cuộc sống của Nhà nước. Tiếp cận hoạt động thực hiện QBC trong TTTH dưới khía cạnh thực hiện pháp luật, là hình thức *sử dụng quyền* do Nhà nước ghi nhận cho người bị buộc tội nên không mang tính bắt buộc nhưng xét về tâm lý phổ biến chung, khi sự buộc tội xuất hiện thì bào chữa để tự vệ là phản ứng tự nhiên của hầu hết người bị buộc tội. Với vai trò quản lý xã hội, việc đưa pháp luật vào đời sống là mục tiêu của Nhà nước nên việc người bị buộc tội, người bào chữa thực hiện QBC dù xuất phát từ mục tiêu bảo vệ chính người bị buộc tội cũng đồng nghĩa với việc đáp ứng nhu cầu đưa pháp luật vào cuộc sống của Nhà nước.

2. Cơ sở thực tiễn

Thứ nhất, thực tế đã chứng minh hoạt động bào chữa đạt chất lượng là điều kiện cần thiết để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người bị buộc tội, thể hiện qua kết quả tích cực do hoạt động bào chữa đạt chất lượng mang lại cho người bị buộc tội. Theo BLTTTHS 2015, “*trách nhiệm chứng minh tội phạm thuộc về cơ quan có thẩm quyền tiến hành tố tụng. Người bị buộc tội có quyền nhưng không buộc phải chứng minh mình vô tội*” (Điều 15). Do đó, nếu người bị buộc tội không thực hiện QBC và chứng minh sự vô tội của họ thì không có nghĩa là họ sẽ bị kết tội. Tuy nhiên, nếu hoạt động bào chữa của chủ thể bào chữa bảo đảm căn cứ pháp lý, có tính thuyết phục thì tất yếu quyền lợi của

² Phạm Hồng Hải, “Bàn thêm về QBC trong TTTH”, Tạp chí *Nhà nước và Pháp luật*, số 5/2004.

người bị buộc tội sẽ được bảo vệ nhanh chóng và hiệu quả hơn.

Thứ hai, thực tiễn xét xử thời gian qua cho thấy, một số trường hợp bào chữa kém chất lượng do những nguyên nhân khách quan hoặc chủ quan khác nhau đã ảnh hưởng đến quyền lợi của người bị buộc tội. Những vướng mắc, bất cập phổ biến thể hiện qua việc Cơ quan tiến hành tố tụng kéo dài thời gian cấp giấy chứng nhận người bào chữa, “xúi” bị can từ chối luật sư³ hoặc một số luật sư thiếu trách nhiệm đối với thân chủ... và cơ chế bảo đảm, bảo vệ QBC trong TTHS kém hiệu quả đều ảnh hưởng trực tiếp đến hiệu quả bào chữa. Bộ luật Tố tụng hình sự 2015 vừa có hiệu lực đã có những quy định tiến bộ trong vấn đề bảo đảm, bảo vệ QCN, QBC của người bị buộc tội trong TTHS, chẳng hạn luật mới đã thay thế thủ tục cấp Giấy chứng nhận người bào chữa bởi thủ tục đăng ký bào chữa với thời hạn rút ngắn chỉ còn 24 giờ (Điều 78), quy định quyền thu thập chứng cứ của người bào chữa (Điều 73), quy định bắt buộc ghi âm, ghi hình trong việc hỏi cung bị can nhằm chống bức cung, nhục hình (Điều 183)... Tuy nhiên, hệ thống pháp luật về thực hiện QBC trong TTHS vẫn tồn tại một số hạn chế, bất cập ảnh hưởng đến việc thực hiện QBC, chẳng hạn BLTTHS 2015 vẫn chưa phân định rạch ròi các chức năng trong TTHS, đó là buộc tội, bào chữa và xét xử trong đó Tòa án phải độc lập đối với các bên tranh tụng mà vẫn quy định: “*trách nhiệm chứng minh tội phạm thuộc về các Cơ quan có thẩm quyền tiến hành tố tụng*” trong đó có Tòa án (Điều 15, 34), “*Hội đồng xét xử ra quyết định khởi tố... nếu qua việc xét xử tại phiên tòa mà phát hiện có việc bỏ*

lọt tội phạm” (Khoản 4 Điều 153). Ngoài ra, việc Bộ luật Hình sự năm 2015 (đã sửa đổi, bổ sung năm 2017) quy định trách nhiệm tố giác thân chủ của luật sư đối với các tội xâm phạm an ninh quốc gia hoặc tội phạm đặc biệt nghiêm trọng khác... (Khoản 3 Điều 19 BLHS) đã mâu thuẫn với đặc thù của nghề luật sư và ảnh hưởng tiêu cực việc thực hiện QBC của người bị buộc tội trong TTHS. Một khi chất lượng bào chữa quá thấp cho dù xuất phát từ nguyên nhân nào đi nữa thì nguyên tắc tranh tụng trong xét xử sẽ chỉ là hình thức và hệ lụy của nó là nhiều trường hợp quyền và lợi ích hợp pháp của người bị buộc tội không được bảo đảm thậm chí có thể dẫn đến xử oan cho người vô tội.

Thứ ba, việc thực hiện QBC của người bị buộc tội, người bào chữa trong TTHS mặc dù với mục đích xuyên suốt quá trình tố tụng là bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người bị buộc tội nhưng việc thực hiện QBC đã đáp ứng yêu cầu của thực tiễn xét xử, đó là bảo đảm dân chủ, bình đẳng trong tố tụng, tránh tình trạng buộc tội một chiều có thể gây nên oan sai.

3. Cơ sở chính trị - pháp lý

Cơ sở chính trị - pháp lý để thực hiện QBC trong TTHS là *hệ thống pháp luật về thực hiện QBC trong TTHS* được xây dựng bằng cách luật hóa Nghị quyết của Đảng Cộng sản Việt Nam và các văn bản pháp lý quốc tế mà Nhà nước Việt Nam đã ký kết về thực hiện QCN, QBC của người bị buộc tội trong TTHS. Xét về tổng thể, quan điểm của Đảng về thực hiện QCN,

³ Thanh Tùng, “Xúi” bị can từ chối luật sư”, Báo Pháp luật TP. Hồ Chí Minh, 09/02/2013.

QBC của người bị buộc tội trong TTHS khá tương đồng với các chuẩn mực pháp lý quốc tế.

Vị trí, vai trò lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam đối với Nhà nước, xã hội đã được nhân dân công nhận qua quá trình lịch sử cũng như thực tiễn. Đảng lãnh đạo ở tầm vĩ mô, thông qua việc xây dựng đường lối, chính sách và được thể chế hóa trở thành pháp luật của Nhà nước. Công cuộc đổi mới toàn diện mà Đảng Cộng sản Việt Nam đã khởi xướng kể từ 1986 xuất phát từ yêu cầu của tình hình kinh tế, chính trị, xã hội trong nước, từ những biến động lớn trong quan hệ quốc tế đã xác định nhu cầu cấp thiết của việc cải cách tư pháp, xây dựng pháp luật. Một trong những mục tiêu trọng tâm của công cuộc cải cách tư pháp, xây dựng pháp luật là bảo đảm, bảo vệ QCN, QBC của người bị buộc tội trong TTHS, tạo điều kiện để họ thực hiện QBC, điều này đã thể hiện rõ trong các Nghị quyết của Đảng trong thời gian qua. Chẳng hạn, Nghị quyết 08 - NQ/TW ngày 2/1/2002 đã xác định: “*Khi xét xử các tòa án phải bảo đảm mọi công dân đều bình đẳng trước pháp luật... Việc phán quyết của tòa án phải căn cứ chủ yếu vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện các chứng cứ, ý kiến của kiểm sát viên, người bào chữa, bị cáo. Các cơ quan tư pháp có trách nhiệm tạo điều kiện để luật sư tham gia vào quá trình tố tụng, tham gia hỏi cung bị can, nghiên cứu hồ sơ, tranh luận dân chủ tại phiên tòa...*”, Nghị quyết 48 - NQ/TW ngày 24/5/2005 tiếp tục xác định nhiệm vụ “*xây dựng và hoàn thiện pháp luật về luật sư, ... cải cách mạnh mẽ các thủ tục, tố tụng tư pháp theo hướng dân*

chủ, bình đẳng, minh bạch, bảo đảm chất lượng tranh tụng tại các phiên tòa, lấy kết quả tranh tụng tại tòa làm căn cứ quan trọng để phán quyết bản án...” và Nghị quyết 49 - NQ/TW ngày 02/6/2005 đã nhấn mạnh “*đổi mới phiên tòa xét xử theo hướng bảo đảm tính dân chủ, công khai, nghiêm minh, nâng cao chất lượng tranh tụng tại các phiên tòa, ...hoàn thiện cơ chế bảo đảm để luật sư thực hiện tranh tụng tốt tại phiên tòa*”.

Trên quan điểm bảo đảm, bảo vệ QCN, QBC của người bị buộc tội trong TTHS của Đảng, thời gian qua Nhà nước Việt Nam đã ký kết hầu hết văn bản pháp lý quốc tế và khu vực về thực hiện QCN, QBC của người bị buộc tội trong TTHS. Chẳng hạn, Tuyên ngôn quốc tế về QCN năm 1948, Công ước quốc tế về các quyền dân sự chính trị 1966, Các nguyên tắc Siracusa quy định giới hạn và đình chỉ trong Công ước quốc tế về các quyền dân sự và chính trị, ... và Nhà nước Việt Nam đã tham gia Công ước chống tra tấn và các hình thức đối xử hoặc trừng phạt tàn bạo, vô nhân đạo hoặc hạ nhục con người của Liên hợp quốc vào ngày 7/11/2013, điều này chứng tỏ quan điểm nhất quán của Đảng trong vấn đề bảo đảm, bảo vệ và thúc đẩy việc thực hiện QCN, QBC của người bị buộc tội trong TTHS. Điều 11 UDHR quy định: “*Mọi người nếu bị cáo buộc về hình sự đều được coi là vô tội cho đến khi được chứng minh là phạm tội theo pháp luật tại một phiên tòa công khai, nơi người đó được bảo đảm những điều kiện cần thiết để bào chữa cho mình*”, Điều 14(3) (d) ICCPR ghi nhận yêu cầu tôn trọng, bảo vệ và tạo điều kiện để người bị buộc tội thực hiện QBC trong TTHS: “*Trong quá trình xét*

xử về một tội hình sự, mọi người đều có quyền được hưởng một cách đầy đủ và hoàn toàn bình đẳng những bảo đảm tối thiểu sau đây: “được có mặt trong khi xét xử và được tự bào chữa hoặc thông qua sự trợ giúp pháp lý theo sự lựa chọn của mình, được thông báo về quyền này nếu chưa có sự trợ giúp pháp lý và được nhận sự trợ giúp pháp lý theo chỉ định trong trường hợp lợi ích của công lý đòi hỏi và không phải trả tiền cho sự trợ giúp đó nếu không đủ điều kiện trả” và “Các nguyên tắc Siracusa quy định giới hạn và đình chỉ trong Công ước quốc tế về các quyền dân sự và chính trị năm 1985” đã xác định rõ căn cứ của việc giới hạn và tạm đình chỉ các quyền dân sự và chính trị theo ICCPR nhằm tránh hành vi lạm quyền, “cắt xén”, hạn chế QCN, QBC của người bị buộc tội từ phía Nhà nước.

Nhằm đáp ứng nhu cầu đưa Nghị quyết của Đảng vào cuộc sống đồng thời thực hiện nghĩa vụ với tư cách là quốc gia thành viên của điều ước quốc tế, Nhà nước Việt Nam đã luật hóa đường lối, chính sách của Đảng và chuyển hóa các điều ước quốc tế đã ký kết vào pháp luật quốc gia, thể hiện qua các văn bản pháp luật thuộc các ngành luật khác nhau mà BLTTHS 2015 là “xương sống”. Một số văn bản pháp luật quan trọng thuộc hệ thống pháp luật về thực hiện QBC trong TTHS tạo cơ sở pháp lý cho việc thực hiện QBC trong TTHS bao gồm: Hiến pháp năm 2013, BLTTHS năm 2015, BLHS năm 2015, Luật tổ chức cơ quan điều tra hình sự năm 2015, Luật thi hành tạm giữ, tạm giam năm 2015, Luật Luật sư năm 2006 (đã sửa đổi, bổ sung năm 2012), Luật Trợ giúp pháp lý năm 2017... Cụ thể như sau:

Hiến pháp năm 2013, Khoản 4 Điều 31 quy định: “Người bị bắt, tạm giữ, tạm giam, khởi tố, điều tra, truy tố có quyền tự bào chữa, nhờ luật sư hoặc người khác bào chữa”. Khoản 7 Điều 103 quy định: “QBC của bị can, bị cáo, quyền bảo vệ lợi ích hợp pháp của đương sự được bảo đảm”. Hiến pháp đã mở rộng phạm vi chủ thể của QBC cho cả những người bị bắt. Ngoài ra, lần đầu tiên Hiến pháp đã ghi nhận nguyên tắc tranh tụng và bảo đảm nguyên tắc tranh tụng trong xét xử (Khoản 5 Điều 103). Trên cơ sở các quy định của Hiến pháp, hệ thống pháp luật về thực hiện QBC trong TTHS được thể hiện qua các Bộ luật, Luật điển hình như sau:

Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015 đã có những quy định tiến bộ trong việc tạo điều kiện thuận lợi cho việc thực hiện QBC trong TTHS. Chẳng hạn, quy định bảo đảm QBC của người bị buộc tội, đó là “người bị buộc tội có quyền tự bào chữa, nhờ luật sư hoặc người khác bào chữa. Cơ quan, người có thẩm quyền tiến hành tố tụng có trách nhiệm thông báo, giải thích và bảo đảm cho người bị buộc tội thực hiện đầy đủ QBC...” (Điều 16), bổ sung nguyên tắc suy đoán vô tội (Điều 13), bảo đảm nguyên tắc tranh tụng trong xét xử (Điều 26), bổ sung yêu cầu Giấy chứng nhận người bào chữa và thay thế bởi quy định về chế độ đăng ký bào chữa với thời hạn rút ngắn chỉ còn 24 giờ. (Điều 78)...

Luật Luật sư năm 2006 (sửa đổi, bổ sung năm 2012) quy định nguyên tắc hành nghề luật sư bên cạnh việc tuân thủ Hiến pháp, pháp luật, quy tắc đạo đức và ứng xử nghề luật sư... và luật sư có thể “sử dụng các biện pháp hợp pháp để bảo vệ tốt nhất, quyền và lợi ích hợp

pháp của khách hàng” (Điều 5). Ngoài ra, luật đã quy định thủ tục pháp lý khi luật sư tham gia tố tụng với tư cách là người bào chữa.

Luật Trợ giúp pháp lý năm 2017 (có hiệu lực kể từ 01/01/2018) quy định chính sách của Nhà nước về trợ giúp pháp lý. Theo đó, “trợ giúp pháp lý là trách nhiệm của Nhà nước, Nhà nước có chính sách để bảo đảm quyền được trợ giúp pháp lý phù hợp với điều kiện kinh tế - xã hội” (Khoản 1, 2 Điều 4) và “trợ giúp viên pháp lý, luật sư thực hiện trợ giúp pháp lý tham gia tố tụng với tư cách là người bào chữa cho người được trợ giúp pháp lý theo quy định của Luật Trợ giúp pháp lý năm 2017 và pháp luật về tố tụng” (Khoản 1 Điều 31).

Luật Tổ chức điều tra hình sự năm 2015 (có hiệu lực kể từ 01/01/2018) thể hiện thái độ tôn trọng, bảo vệ QCN, QBC của người bị buộc tội đồng thời tạo điều kiện để người bị buộc tội, người bào chữa thực hiện QBC. Đó là nghiêm cấm các hành vi “làm sai lệch hồ sơ vụ án; truy cứu trách nhiệm hình sự người không có hành vi phạm tội... bức cung, dùng nhục hình và các hình thức tra tấn hoặc đối xử, trừng phạt tàn bạo, vô nhân đạo, hạ nhục con người hay bất kỳ hình thức nào khác xâm phạm quyền và lợi ích hợp pháp của cơ quan, tổ chức, cá nhân. Nghiêm cấm việc cản trở người bị bắt, người bị tạm giữ, bị can thực hiện quyền tự bào chữa, nhờ luật sư hoặc người khác bào chữa, trợ giúp pháp lý..., đồng thời nghiêm cấm việc cản trở người bào chữa, người thực hiện trợ giúp pháp lý, thực hiện việc bào chữa...” (Điều 14).

Bộ luật Hình sự năm 2015 (đã sửa đổi, bổ sung năm 2017) có hiệu lực kể

từ 01/01/2018 giữ chương về các tội xâm phạm hoạt động tư pháp với các tội danh tương ứng như BLTTHS 2003. Tuy nhiên, luật mới đã sửa theo hướng tăng nặng hình phạt đối với các tội dùng nhục hình (Điều 373), tội bức cung (Điều 374), tội lợi dụng chức vụ, quyền hạn giam, giữ người trái pháp luật (Điều 377), đặc biệt trường hợp phạm tội làm người bị bức cung, người bị nhục hình chết có thể bị xử đến mức án chung thân. Điều này có ý nghĩa quan trọng trong việc bảo đảm QCN, QBC của người bị buộc tội trong TTHS đồng thời phù hợp với Công ước chống tra tấn và các hình thức đối xử hoặc trừng phạt tàn bạo, vô nhân đạo hoặc hạ nhục con người của Liên hợp quốc mà Nhà nước Việt Nam đã ký kết vào năm 2013.

Luật thi hành tạm giữ, tạm giam năm 2015 (có hiệu lực kể từ 01/01/2018) đã có những quy định bảo đảm, bảo vệ QCN, QBC của bị buộc tội bị tạm giữ, bị tạm giam. Chẳng hạn, quy định nguyên tắc quản lý, thi hành tạm giữ, tạm giam yêu cầu phải “bảo đảm nhân đạo; không tra tấn, truy bức, dùng nhục hình hay bất kỳ hình thức đối xử nào khác xâm phạm quyền và lợi ích hợp pháp của người bị tạm giữ, người bị tạm giam” (Điều 4), nghiêm cấm các hành vi “tra tấn, truy bức, dùng nhục hình, các hình thức đối xử, trừng phạt tàn bạo, vô nhân đạo, hạ nhục con người... Nghiêm cấm cản trở người bị tạm giữ, người bị tạm giam thực hiện quyền thăm gặp thân nhân, QBC, được trợ giúp pháp lý...” (Điều 8). Bên cạnh đó, luật cũng quy định người bị tạm giữ, tạm giam có quyền “được bảo vệ an toàn tính mạng, thân thể, tài sản, tôn trọng danh dự, nhân phẩm, được gặp thân nhân, người bào chữa, được hưởng

dẫn, giải thích và bảo đảm thực hiện quyền tự bào chữa, nhờ người bào chữa, trợ giúp pháp lý” (Điều 9).

Luật tổ chức Tòa án nhân dân năm 2014 quy định rõ ràng về vấn đề bảo đảm thực hiện QBC trong TTHS. Chẳng hạn, yêu cầu “bảo đảm bình đẳng trước Tòa án, bảo đảm tranh tụng trong xét xử” (Điều 12, 13). Đặc biệt, Điều 14 quy định rõ ràng về bảo đảm QBC của người bị buộc tội trong TTHS, theo đó “người bị buộc tội được coi là không có tội cho đến khi được chứng minh theo trình tự luật định và có bản án kết tội của Tòa án đã có hiệu lực pháp luật. QBC của bị can, bị cáo, được bảo đảm... Bị can, bị cáo có quyền tự bào chữa, nhờ luật sư hoặc người khác bào chữa”.

Luật tổ chức Viện Kiểm sát nhân dân năm 2014 quy định rõ chức năng thực hành quyền công tố của Viện Kiểm Sát nhằm bảo đảm “mọi hành vi phạm tội, người phạm tội phải được phát hiện, khởi tố, điều tra, truy tố, xét xử kịp thời, nghiêm minh, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật, không làm oan người vô tội, không để lọt tội phạm và người phạm tội, không để người nào bị khởi tố, bị bắt, tạm giữ, tạm giam, bị hạn chế QCN, quyền công dân trái luật...” (Điểm a, b Khoản 2 Điều 3), đây là một trong những điều kiện quan trọng để bảo đảm QCN, QBC của người bị buộc tội trong tố tụng hình sự.

Kết luận

Nghiên cứu cơ sở thực hiện QBC trong TTHS Việt Nam gồm: *Cơ sở lý luận, cơ sở thực tiễn và cơ sở chính trị - pháp lý* cung cấp góc nhìn toàn diện, sâu sắc về hoạt động thực hiện QBC trong TTHS Việt Nam, điều này không chỉ nâng cao nhận thức mà còn có ý nghĩa trong việc

định hướng các giải pháp nâng cao hiệu quả bào chữa.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Bộ Chính trị (2005), *Nghị quyết 49-NQ/TW ngày 02/6/2005 của Bộ chính trị về Chiến lược cải cách tư pháp đến năm 2020*.

2. Bộ Chính trị (2005), *Nghị quyết 48-NQ/TW ngày 24/5/2005 của Bộ chính trị về Chiến lược xây dựng và hoàn thiện hệ thống pháp luật Việt Nam đến năm 2010, định hướng đến 2020*.

3. Bộ Chính trị (2002), *Nghị quyết 08-NQ/TW ngày 02/01/2002 về một số nhiệm vụ trọng tâm công tác tư pháp trong thời gian tới*.

4. Phạm Hồng Hải, “Bàn thêm về QBC trong TTHS”, *Tạp chí Nhà nước và Pháp luật*, số 5/2004.

5. Nguyễn Hồng Lam, “Hành trình đi tìm công lý của người hai lần bị kết án tử hình”, *Báo An ninh thế giới* (số 770), 5/7/2008, (số 771), 9/7/2008.

6. Liên hợp quốc (1985), *Các nguyên tắc Siracusa về các quy định giới hạn và đình chỉ trong Công ước quốc tế về các quyền dân sự và chính trị 1985*

7. Liên hợp quốc (1966), *Công ước quốc tế về các quyền dân sự chính trị 1966 (ICCPR)*

8. Liên hợp quốc (1948), *Tuyên ngôn quốc tế về quyền con người (UDHR)*

9. Thanh Tùng (2013), “Xúi” bị can từ chối luật sư”, *Báo Pháp luật TP. Hồ Chí Minh*, 09/02/2013.

10. Viện ngôn ngữ (2002), *Từ điển tiếng Việt*, Nxb. Đà Nẵng, Trung tâm Từ điển học.